

CHUYÊN ĐỀ

VỀ ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2026 – 2030

(Đồng chí Nguyễn Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương trình bày)

Theo sự phân công của Bộ Chính trị, tôi xin trình bày những nội dung chính của Chuyên đề **“Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030) và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2026 - 2030”**

Về đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030:

Trong giai đoạn 5 năm 2021-2025 thực hiện Chiến lược, bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn thách thức nhiều hơn. Trong đó có tác động của 4 vấn đề lớn, đó là: 1- Đại dịch Covid-19; 2- Xung đột vũ trang ở Ucraina và khu vực Trung Đông, sự điều chỉnh chính sách thuế của các nước lớn, chiến tranh thương mại; 3- Thiên tai, bão lũ, sạt lở diễn ra với tần suất cao, cường độ mạnh; 4- Sự cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã phòng, chống, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, từng bước phục hồi nhanh phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong 2 năm cuối nhiệm kỳ đã ban hành nhiều nghị quyết mang tính lịch sử, có ý nghĩa chiến lược, mở ra bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của đất nước, nhất là cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đơn vị hành chính các cấp, tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp.

Kinh tế nước ta giai đoạn 2021-2025 đạt được nhiều thành tựu quan trọng, **22/26** chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đạt và vượt, trong đó toàn bộ các chỉ tiêu về xã hội, an sinh xã hội đều vượt kế hoạch; riêng năm 2024 và 2025 đạt và vượt toàn bộ **15/15** chỉ tiêu đề ra.

Văn kiện Đại hội đã đánh giá toàn diện các kết quả đạt được theo **10** nhóm nội dung, tôi xin khái quát, làm rõ một số kết quả nổi bật như sau:

Một là, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, nền kinh tế liên tục tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trung bình thế giới; chất lượng tăng trưởng có chuyển biến tích cực.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 6,3%/năm¹ - thuộc nhóm các nền kinh tế có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới và cao hơn nhiều so với mức bình quân 5,91%/năm giai đoạn 2011-2015 và 6,2%/năm giai đoạn 2016-2020.

¹ Trong đó lưu ý rằng, nếu không tính năm 2021 do tác động nặng nề của dịch Covid-19 dẫn đến tăng trưởng GDP chỉ đạt 2,55% thì tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2022 - 2025 đạt khoảng 7,24-7,29%/năm, vượt mục tiêu đề ra cho giai đoạn 2021 - 2025 (6,5 - 7,0%).

Kinh tế tăng trưởng cao và liên tục đã giúp cho quy mô GDP và GDP bình quân đầu người của Việt Nam tăng nhanh: quy mô GDP tăng từ 346,6 tỷ USD (2020) lên trên 514 tỷ USD (2025), xếp thứ **32 thế giới** và **thứ 4 ASEAN**; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.000 USD; GNI bình quân đầu người ước 4.700 USD, đưa Việt Nam vào nhóm **thu nhập trung bình cao**.

Lạm phát được kiểm soát thành công, tỷ trọng nợ/GDP công giảm và thấp hơn nhiều giới hạn cho phép, bội chi ngân sách giảm². **Quy mô thương mại tăng mạnh**, từ 545,4 tỷ USD năm 2020 lên mức kỷ lục trên 920 tỷ USD năm 2025, thuộc nhóm 20 quốc gia dẫn đầu thế giới; xuất siêu thương mại lớn, khoảng 21,2 tỷ USD. **Niềm tin môi trường kinh doanh được cải thiện**, nhất là sau khi Bộ Chính trị ban hành các Nghị quyết chiến lược, đặc biệt Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Không chỉ tăng trưởng ở mức cao, chất lượng tăng trưởng đã có sự cải thiện tích cực thông qua các chỉ số như tăng năng suất lao động, tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP)³, nâng hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia, tăng tỷ trọng kinh tế số⁴.

Các tổ chức quốc tế uy tín đã đánh giá cao kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nâng hạng tín nhiệm và triển vọng tăng trưởng của Việt Nam⁵.

Hai là, công tác phòng, chống dịch Covid-19 được thực hiện quyết liệt, hiệu quả gắn với thực hiện các biện pháp phục hồi và phát triển kinh tế. Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư đã lãnh đạo, chỉ đạo sát sao các chủ trương, chính sách, giải pháp không chể, đẩy lùi dịch bệnh, trong đó có những giải pháp "chưa từng có"; thực hiện "mục tiêu kép", vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa duy trì sản xuất, chống đứt gãy chuỗi cung ứng; và dần phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã hỗ trợ khoảng 105 nghìn tỷ đồng cho 1,4 triệu lượt người sử dụng lao động và 68,4 triệu lượt lao động, nhờ đó tăng trưởng GDP giai đoạn 2020-2021 ở mức 2,71%/năm, tăng trưởng năm 2022 đạt 8,54%, trở thành điểm sáng của kinh tế toàn cầu.

Ba là, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực; nền kinh tế bước đầu

² Các năm gần đây đều nằm dưới mục tiêu 4%-4,5% của Quốc hội; Nợ công giảm từ 44,3% GDP năm 2020 xuống còn khoảng 35-36% năm 2025 (giới hạn là 60% GDP); bội chi NSNN bình quân giảm từ 3,53% GDP giai đoạn 2016 - 2020 xuống 3,1 - 3,2% GDP giai đoạn 2021-2025.

³ Năng suất lao động (NSLĐ, giá hiện hành) tăng 3,2 lần từ 70,0 triệu đồng/lao động năm 2011 lên 245 triệu đồng/lao động năm 2025. Tốc độ tăng NSLĐ trung bình đạt 5,1%/năm giai đoạn 2021-2025. Đáng chú ý, Việt Nam vẫn thuộc nhóm các quốc gia duy trì được tốc độ tăng NSLĐ khá cao, chỉ sau Trung Quốc và cao hơn mức trung bình của ASEAN. Tăng trưởng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) được nâng lên đáng kể. Nhờ đó, đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 47% (giai đoạn 2016 - 2020 đạt bình quân 46,04%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 34,75% của giai đoạn 2011 - 2015).

⁴ Chỉ số ĐMST toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục được cải thiện; xếp hạng chỉ số GII của Việt Nam tăng từ vị trí 71/132 quốc gia (năm 2010) lên vị trí 44/133 quốc gia (năm 2025), đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á. Kinh tế số duy trì được đóng góp vào tăng trưởng, năm 2025 tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP ước đạt 14,02%, tương đương khoảng 72,1 tỷ USD, tăng 1,64 lần so với năm 2020.

⁵ IMF đánh giá Việt Nam nằm top 10 nước tăng trưởng cao nhất thế giới; Standard Chartered dự báo Việt Nam thuộc nhóm 5 nước tăng trưởng nhanh nhất châu Á. Tổ chức quốc tế (FTSE) nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ cận biên lên mới nổi thứ cấp.

được cơ cấu lại theo hướng số hoá, xanh hoá, đa dạng hoá, tăng cường sức chống chịu, nâng cấp chuỗi giá trị dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Cơ cấu GDP chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ từ 78,6% (2020) lên 80,4% (2025), trong khi khu vực nông nghiệp giảm từ 12,7% xuống 11,6%. Kinh tế số duy trì tốc độ tăng trưởng 9-10%/năm, chiếm khoảng 14-15% GDP. Bên cạnh đó, cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế như về thể chế về đầu tư công, sách về đổi mới, sắp xếp lại và nâng cao chất lượng hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, về kinh tế tư nhân tiếp tục được hoàn thiện. Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng được tích cực triển khai, bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế.

Bốn là, thực hiện 3 đột phá chiến lược đạt nhiều kết quả tích cực, toàn diện và thực chất hơn.

- Về hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tư duy và phương pháp xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật được đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Hệ thống pháp luật được rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Phân cấp, phân quyền tiếp tục được đẩy mạnh gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với các lĩnh vực trọng yếu, để phát sinh tiêu cực.

- Về phát triển nguồn nhân lực, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 64,5% (2020) lên 70% (2025), trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 24,1% lên khoảng 29,2%. Phát triển nhân lực chất lượng cao được chú trọng. Cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được đổi mới căn bản theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị..

- Về phát triển kết cấu hạ tầng, đây là giai đoạn bứt phá với trên 3.000 km đường bộ cao tốc được hoàn thành, hai cảng biển cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, Cái Mép - Thị Vải và các cảng hàng không trọng điểm, trong đó có Cảng hàng không quốc tế Long Thành (giai đoạn 1), được đầu tư đồng bộ. Hạ tầng điện, năng lượng, hạ tầng số và các công trình giáo dục, y tế, khoa học, văn hoá, nông thôn tiếp tục được đầu tư, tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

Năm là, phát triển kinh tế - xã hội các vùng và liên vùng được chú trọng; Kinh tế biển được thúc đẩy, đạt nhiều kết quả tích cực; đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật. Trong thời gian qua, Bộ Chính trị đã ban hành 6 Nghị quyết vùng với các định hướng ***thúc đẩy hình thành các hành lang kinh tế, vùng động lực, cực tăng trưởng; nhiều dự án vùng được thực hiện.*** Hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển được quan tâm đầu tư; đã hình thành các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch gắn với chuỗi đô thị ven biển; đồng thời có chủ trương cho nghiên cứu xây dựng các khu thương mại tự do tại một số địa phương. Đô thị hóa trở thành động lực quan trọng của phát triển kinh tế - xã hội; đến năm 2025, tỷ lệ đô thị

hóa đạt khoảng 45%, chất lượng đô thị được nâng cao, hình thành các cực tăng trưởng và trung tâm đổi mới sáng tạo tại các đô thị lớn. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật với khoảng 80% xã đạt chuẩn, 35% xã đạt chuẩn nâng cao và 10% xã đạt chuẩn kiểu mẫu.

Sáu là, phát triển văn hoá, xã hội và con người đạt nhiều kết quả tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao. Chỉ số phát triển con người tiếp tục được cải thiện, *cao hơn nhiều so với các nước có cùng mức thu nhập; thứ hạng về* thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững SDGs tăng lên⁶; Xếp hạng chỉ số hạnh phúc của Việt Nam tăng từ thứ 83 năm 2020 lên thứ 46 năm 2025.

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân được tăng cường. Tuổi thọ trung bình năm 2025 đạt 74,8 năm, số năm sống khoẻ khoảng 67 năm. Mạng lưới y tế phát triển rộng khắp, năng lực khám chữa bệnh được nâng cao; y tế dự phòng, y tế cơ sở và mô hình bác sĩ gia đình được củng cố; hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh được hình thành ở các cấp. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 90,2% năm 2020 lên 95,2% năm 2025. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 4,4% năm 2021 xuống khoảng 1,3% năm 2025, đời sống nhân dân, nhất là ở vùng khó khăn, được cải thiện rõ rệt. Đề án xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội được đẩy mạnh triển khai; đến năm 2025 cơ bản xoá nhà tạm, nhà dột nát.

Bảy là, công tác quản lý và sử dụng tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai có chuyển biến tích cực. Công tác điều tra, quy hoạch, quản lý và khai thác tài nguyên, quan trắc, đánh giá, giám sát chất lượng môi trường tiếp tục được tăng cường; hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường được đổi mới, hoàn thiện. Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh được chú trọng. Công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu, nhất là tại Đồng bằng sông Cửu Long, được quan tâm chỉ đạo.

Tám là, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường toàn diện; an ninh chính trị được giữ vững. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đạt nhiều kết quả quan trọng. “Thế trận lòng dân” gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc.

Chín là, công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục đi vào chiều sâu, hiệu quả, đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, trong đó quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 13 nước, đối tác chiến lược với 11 nước, đối tác toàn diện với 14 nước. Đối ngoại đa phương chuyển từ tham gia sang chủ động đề xuất nhiều sáng kiến, giải pháp tại các cơ chế hợp tác quan trọng để giải quyết các vấn đề chung của thế giới.

⁶ Năm 2022 là 0,726, tăng 8 bậc so với năm 2021, đứng thứ 107 trên 193 quốc gia và vùng lãnh thổ; năm 2024 là 0,766, xếp thứ 93 trên 193 quốc gia và vùng lãnh thổ). Thứ hạng về thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững SDGs có sự cải thiện, đưa Việt Nam từ vị trí 88 vào năm 2016 lên vị trí 54 giữa các nước trên thế giới vào năm 2024.

Mười là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, đạt nhiều kết quả đột phá. Hệ thống pháp luật được rà soát, hoàn thiện theo hướng đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận và khả thi. Cải cách thủ tục hành chính được thực hiện quyết liệt. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và thực hành tiết kiệm được tăng cường; nhiều vụ việc được xử lý nghiêm minh, góp phần củng cố kỷ cương, kỷ luật.

Kính thưa toàn thể các đồng chí.

Bên cạnh đánh giá các kết quả đạt được, Đảng ta cũng đã làm rõ những hạn chế theo 7 nhóm, tôi xin khái quát như sau:

Thứ nhất, kinh tế vĩ mô còn bộc lộ nhiều hạn chế, khiến ổn định kinh tế vĩ mô chưa thật sự vững chắc, chất lượng tăng trưởng chậm được cải thiện. Năng suất lao động còn thấp so với các nước trong khu vực, cải thiện chậm. Thị trường tài chính - tiền tệ tiềm ẩn rủi ro; thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp chưa phát huy vai trò kênh huy động vốn trung, dài hạn. Công nghiệp chủ yếu theo chiều rộng, gia công - lắp ráp chiếm tỷ trọng lớn; công nghiệp nền tảng, mũi nhọn và hỗ trợ phát triển chậm, liên kết FDI - nội địa yếu. Chất lượng dịch vụ chưa cao, sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế còn thấp. Nông nghiệp thiếu bền vững, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản chưa phát triển mạnh, nhất là ở khâu bảo quản và chế biến sâu. Đầu tư công chưa phát huy vai trò dẫn dắt; xử lý tổ chức tín dụng yếu kém còn khó khăn; cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước chậm; doanh nghiệp tư nhân trong nước quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, thiếu tập đoàn dẫn dắt."

Thứ hai, kết quả thực hiện 3 đột phá chiến lược còn hạn chế. Thể chế phát triển vẫn là điểm nghẽn lớn; tư duy xây dựng pháp luật chậm chuyển sang kiến tạo phát triển, nhất là với các mô hình kinh tế mới. Phân cấp, phân quyền chưa mạnh; thủ tục hành chính còn rườm rà, làm hạn chế huy động và phân bổ hiệu quả nguồn lực xã hội. *Chất lượng nguồn nhân lực cải thiện chậm*, thiếu lao động đáp ứng yêu cầu các ngành mũi nhọn, công nghệ cao và kinh tế số; đào tạo chưa gắn với nhu cầu thị trường; giáo dục kỹ năng, ngoại ngữ, sáng tạo còn bất cập. Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực then chốt, thiếu nhân lực chất lượng cao. *Kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ*, hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng số, hạ tầng điện, hạ tầng logistics còn chưa theo kịp yêu cầu phát triển; kết nối liên vùng yếu.

Thứ ba, tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng kinh tế của các vùng còn thấp so với mục tiêu đề ra; chưa khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng và từng địa phương. Phát triển kinh tế biển và sử dụng không gian biển chưa hiệu quả, chưa hình thành các trung tâm kinh tế biển, khu kinh tế ven biển có sức cạnh tranh khu vực và quốc tế. Tỷ lệ đô thị hóa còn thấp, tốc độ đô thị hóa chậm, chất lượng chưa cao.

Thứ tư, cơ chế, chính sách phát triển văn hoá còn có điểm bất cập, thiếu đồng bộ; đầu tư cho văn hoá hiệu quả chưa cao, chưa tương xứng yêu cầu nhiệm vụ. Lao động phi chính thức còn lớn, thất nghiệp thanh niên cao. Bất bình đẳng tiếp cận

dịch vụ xã hội giữa các vùng còn rõ nét. Dân số đối mặt mức sinh giảm, mất cân bằng giới tính khi sinh.

Thứ năm, tình trạng ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp, lưu vực sông, làng nghề và môi trường biển chưa có nhiều chuyển biến. Chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai còn có mặt hạn chế; năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu chưa có bước cải thiện rõ rệt.

Thứ sáu, tham nhũng, tiêu cực trên một số lĩnh vực còn diễn biến phức tạp, nghiêm trọng. Cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số triển khai chậm; nhiều dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện.

Thứ bảy, quốc phòng, an ninh, công tác xây dựng tiềm lực, lực lượng, thể trận quốc phòng, an ninh trên một số lĩnh vực, địa bàn có mặt còn hạn chế. Mức độ tham gia, năng lực đóng góp và đề xuất sáng kiến của Việt Nam trong các khuôn khổ đa phương còn hạn chế, chưa đồng bộ giữa các lĩnh vực. Việc triển khai các thỏa thuận, cam kết quốc tế còn gặp nhiều khó khăn, bất cập. Công tác nghiên cứu, tham mưu, dự báo chiến lược có mặt còn chưa theo kịp diễn biến nhanh, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực.

Kính thưa toàn thể các đồng chí,

Sau 5 năm đầu thực hiện Chiến lược 2021 - 2030, Đảng ta đã nhìn nhận, đánh giá các nguyên nhân khách quan, chủ quan đối với cả thành tựu và hạn chế, yếu kém, trong đó xác định nguyên nhân chủ quan là chủ yếu; đồng thời rút ra 5 bài học kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn trong giai đoạn tới, gồm:

(1)- Bài học thứ nhất: Tiếp tục đường lối đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, tư duy đột phá, tạo ra nguồn lực và động lực cho phát triển. Nêu cao tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng của cả hệ thống chính trị; phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại.

(2)- Bài học thứ hai: Nhất quán, kiên định về chiến lược, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược; giữ bản lĩnh vững vàng; phân công, phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; nắm chắc tình hình, đề ra quyết sách linh hoạt, phù hợp, hiệu quả để lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; tổ chức thực hiện bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền.

(3)- Bài học thứ ba: Tập trung nâng cao chất lượng thể chế phát triển, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tháo gỡ các điểm nghẽn cản trở phát triển. Bảo đảm tính nhất quán trong việc hiểu, áp dụng các quy định pháp luật. Tổ chức thực hiện pháp luật công bằng, nghiêm minh, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm thượng tôn hiến pháp và pháp luật. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

(4)- Bài học thứ tư: Mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm công khai, minh bạch. Khởi

dậy tinh thần cống hiến vì đất nước, phát huy ý chí tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, quyết liệt hành động và chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

(5)- Bài học thứ năm: Làm tốt công tác đối ngoại, hội nhập, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, kịp thời tổng kết thực tiễn, đưa ra các cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp, hiệu quả.

Kính thưa toàn thể các đồng chí,

Sau đây tôi xin trình bày nội dung về **Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030**

1. Về bối cảnh:

Thế giới đang có những thay đổi mang tính thời đại; tạo ra nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức lớn đan xen. Trong nước đang triển khai những quyết sách chiến lược mang tính đột phá, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới cao hơn; đồng thời cũng là bước ngoặt mới, vận hội mới mang tính lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Về quan điểm:

Đại hội XIV đề ra 5 nhóm quan điểm chỉ đạo trong xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới, trong đó có nhiều nội dung mới, cụ thể là:

i)- Nhóm quan điểm thứ nhất, Đảng ta nhấn mạnh **4 kiên định** (*Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định, kiên trì, kiên quyết các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng*); đồng thời, lần đầu tiên có quan điểm mới **“lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước”** và nêu yêu cầu về tự chủ chiến lược, đổi mới mô hình phát triển.

ii)- Nhóm quan điểm thứ hai, Nghị quyết xác định: *đẩy mạnh đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chủ động hội nhập quốc tế...*; coi “Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường **là trung tâm**; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh và **đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên**”. Như vậy, lần đầu tiên, bảo vệ môi trường được coi là nhiệm vụ trung tâm cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội; đồng thời, công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế đã được nâng tầm trở thành trọng yếu, thường xuyên.

iii)- Nhóm quan điểm thứ ba xác định nhiều quan điểm mới, coi “phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành **nguồn lực nội sinh** và động lực mạnh mẽ cho sự phát triển”; xác định yêu cầu **“xác lập mô hình tăng trưởng mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực chính và phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất”**; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; hoàn thiện thể chế phát triển

gắn với thực hiện đồng bộ **4 chuyển đổi** (đó là: *chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực và đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất mới*).

iv)- Nhóm quan điểm thứ tư xác định: Phát huy sức mạnh, trí tuệ, bản lĩnh của con người Việt Nam; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. "*... gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường với củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế...*". Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc.

v)- Nhóm quan điểm thứ năm xác định các quan điểm về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và năng lực quản lý, quản trị, kiến tạo phát triển của Nhà nước, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

3. Về mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển:

- **Mục tiêu chung** được Nghị quyết Đại hội đề ra rất toàn diện, hướng đến thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong đó có các thành tố trọng tâm, đó là: **(1)** Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; **(2)** Phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; **(3)** Cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; **(4)** Tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

- Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể được cấu trúc thành 3 nhóm: nhóm về kinh tế có 14 mục tiêu, chỉ tiêu; nhóm về xã hội có 6 mục tiêu, chỉ tiêu; nhóm về môi trường có 5 mục tiêu, chỉ tiêu.

Từ các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Đại hội XIV xác định như trong Nghị quyết cho thấy đây đều là những mục tiêu, chỉ tiêu thể hiện khát vọng phát triển rất lớn, đặt ra ở **mức rất cao nhưng có cơ sở và có bước đi vững chắc** như Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh, thể hiện khát vọng phát triển, sự nỗ lực, cố gắng và quyết tâm đổi mới mạnh mẽ. Ví dụ như về chỉ tiêu tăng trưởng GDP: Trong 40 năm đổi mới, Việt Nam chưa có giai đoạn nào đạt được tốc độ tăng trưởng GDP ở mức từ 10% trở lên. Nhưng tại Đại hội lần này, Đảng ta đã xác định mục tiêu, yêu cầu phải đạt được tốc độ tăng trưởng GDP bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10% trở lên là rất cao, rất thách thức. Điều này thể hiện yêu cầu rất cao để Việt Nam tránh nguy cơ tụt hậu, tránh rơi vào bẫy thu nhập trung bình để cất cánh, phát triển.

Kính thưa toàn thể các đồng chí,

4. Để thực hiện thành công các mục tiêu nêu trên, bám sát các quan điểm chỉ đạo, Đảng ta đã đề ra các **12** định hướng; **6** nhiệm vụ trọng tâm và **3** đột phá chiến lược, đồng thời có Chương trình hành động cụ thể hóa các nhiệm vụ có thể triển khai thực hiện ngay. Tôi xin khái quát theo một số nhóm vấn đề lớn sau đây, trọng tâm là về phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ nhất, về tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, tập trung xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững.

Văn kiện Đại hội xác định tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, kiến tạo hệ sinh thái phát triển mới, bảo đảm quan điểm lấy phát triển ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển và không ngừng nâng cao đời sống, hạnh phúc của Nhân dân; tập trung hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, ***trong đó thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là quan trọng***, theo đó:

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, tạo đột phá để sớm hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, có sự quản lý của Nhà nước. ***Xây dựng và hoàn thiện thể chế phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính.*** Có cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để phát triển các mô hình kinh tế mới và các dự án trọng điểm, quy mô lớn⁷. Chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn để quản lý và tăng cường kiểm tra, giám sát. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch. Hoàn thiện thể chế để nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế và hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; ***bảo đảm phát triển văn hoá ngang tầm với chính trị, kinh tế, xã hội theo tinh thần*** Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị mới ban hành về phát triển văn hóa.

- Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ thể chế về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị); thể chế phát triển giáo dục và đào tạo, tập trung đột phá về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị).

- Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ thể chế quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững, tăng cường sự tham gia của các chủ thể, sự giám sát của Nhân dân; gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội. Hoàn thiện đồng bộ thể chế

⁷ Như: Kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm dữ liệu quốc gia; đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, điện hạt nhân, điện mặt trời, điện gió ngoài khơi...

quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới; hoàn thiện thể chế để phát huy cao nhất vai trò, hoạt động của các trụ cột: đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân, đối ngoại an ninh - quốc phòng, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, đối ngoại đa phương.

Thứ hai, về xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính, theo đó:

- Văn kiện Đại hội đề ra nhiệm vụ ***xác lập mô hình tăng trưởng mới với mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, trái trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính;*** trọng tâm là phát triển kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và chuyển đổi cơ cấu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; lấy khoa học, công nghệ là trọng tâm để đổi mới các động lực tăng trưởng truyền thống; xác định các động lực tăng trưởng mới, hình thành các cực tăng trưởng, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, đặc khu kinh tế và các mô hình phát triển tâm khu vực, toàn cầu.

- Đổi mới tư duy và cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế, thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng gắn với bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước; cơ cấu lại chi ngân sách, nâng cao hiệu quả đầu tư công; hiện đại hóa hệ thống ngân hàng, xử lý tổ chức tín dụng yếu kém, bảo đảm an toàn hệ thống tài chính.

- Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng⁸; từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghiệp mới nổi⁹; xây dựng, phát triển công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử, công nghiệp không gian vũ trụ, công nghiệp lượng tử; xây dựng các cụm liên kết ngành, tổ hợp công nghiệp lớn, hiện đại trên phạm vi vùng và liên vùng. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn và theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển vùng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với chế biến sâu, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường xuất khẩu. Nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của khu vực dịch vụ, phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng cao; xây dựng trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do thế hệ mới, trung tâm logistics lớn gắn với các cảng biển, cảng hàng không; phát triển thương hiệu quốc gia về dịch vụ, du lịch.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đô thị hóa, xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng

⁸ Năng lượng, vật liệu mới, công nghệ số và sinh học...

⁹ Công nghiệp chip bán dẫn, năng lượng tái tạo...

phát triển giao thông công cộng (TOD), khai thác hiệu quả không gian ngầm; mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên phát triển nhà ở xã hội. Thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển tổ chức sản xuất hiện đại; gắn kết nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển kinh tế biển toàn diện, phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị ven biển; xây dựng trung tâm hậu cần nghề cá, nuôi trồng hải sản công nghệ cao và xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên một số đảo chiến lược.

- Phát huy vai trò của các khu vực kinh tế, trong đó phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng.

- Đẩy mạnh liên kết vùng và tổ chức lại không gian phát triển, đổi mới tư duy quản trị phát triển vùng; hoàn thiện cơ chế điều phối vùng; phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, phát huy vai trò các vùng động lực, cực tăng trưởng và đô thị lớn.

Thứ ba, tập trung triển khai đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Trong nhóm nhiệm vụ và giải pháp này, Văn kiện tiếp tục khẳng định, bổ sung, nhấn mạnh, làm rõ hơn những chủ trương, định hướng đã nêu tại Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị, theo đó Đảng yêu cầu phải *“khẩn trương, quyết liệt đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hoàn thiện cơ chế, chính sách vượt trội, phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo; tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế đầu tư, cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao”*.

- Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo. Phát triển các thiết chế và hạ tầng đổi mới sáng tạo như trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi thu hút khu vực tư nhân và nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia phát triển công nghệ; đẩy mạnh hợp tác công - tư.

- Ưu tiên phát triển, làm chủ làm chủ một số ngành công nghệ, các công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số; chú trọng nghiên cứu cơ bản, gắn với định hướng ứng dụng. Thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia toàn diện, gắn với bảo đảm an ninh, an toàn. Phát triển công dân số và kỹ năng số cho người dân; xây dựng xã hội số, thúc đẩy kinh tế số; xây dựng khung khổ pháp lý và chính sách thử nghiệm vượt trội trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp quốc tế; phát triển thị trường khoa học

và công nghệ; bảo vệ và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ, tài nguyên số; tăng cường liên kết viện, trường và doanh nghiệp.

Thứ tư, về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

- Hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách và quy hoạch về quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển và vận hành hiệu quả các thị trường liên quan đến tài nguyên và môi trường như bất động sản, quyền sử dụng đất, khoáng sản, năng lượng, tín chỉ các-bon; xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu vào cơ sở dữ liệu quốc gia; đẩy mạnh xã hội hóa bảo vệ môi trường. Thực hiện đồng bộ các giải pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, chống lãng phí. Tăng cường hợp tác quốc tế và huy động nguồn lực cho chuyển đổi xanh, sử dụng hiệu quả các cơ chế ưu đãi quốc tế nhằm giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

- Chủ động phòng, chống và ứng phó thiên tai, đầu tư công trình bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; chủ động di dời, tái định cư dân cư ở khu vực rủi ro thiên tai cao; khắc phục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại các đô thị lớn. Bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái và tài nguyên biển, bảo vệ nghiêm ngặt động vật quý hiếm; thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ và nâng cao năng lực dự báo, giám sát môi trường biển.

Thứ năm, nhóm các nhiệm vụ và giải pháp khác về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam, phát triển nguồn nhân lực; quản lý, phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại... Theo đó:

- Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

- Về phát triển nguồn nhân lực: Nhất quán xác định giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu, xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược. Đổi mới phương thức đào tạo, chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể lực và phẩm chất; đào tạo nghề chất lượng cao và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số trong giáo dục. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để phát hiện, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học giỏi, chuyên gia đầu ngành.

- Về quản lý, phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội: Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, văn minh, hài hòa, phát triển. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao phủ toàn dân; hệ thống y tế công

bằng, chất lượng với tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Bảo đảm an ninh lương thực, vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ cho người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động.

- Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại: Quốc phòng, an ninh và đối ngoại được triển khai đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ thành quả cách mạng, sự nghiệp đổi mới, bảo vệ nền văn hóa; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh trên các lĩnh vực truyền thống, phi truyền thống; tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và giữ vững, củng cố môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, tăng cường tiềm lực và sức mạnh tổng hợp quốc gia kết hợp với củng cố ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, kiên định với mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại; phối hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh, tranh thủ nguồn lực bên ngoài, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam, qua đó tạo thế và lực mới cho phát triển nhanh, bền vững đất nước trong tình hình mới.

Kinh thừa toàn thể các đồng chí,

Văn kiện Đại hội đã xác định 6 nhóm nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược.

6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV bao gồm: (1) Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước; (2) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, nhất là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; (3) Đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập quốc tế; phát triển các thành phần, khu vực kinh tế; xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; (4) Tập trung triển khai đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (5) Phát triển con người, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn cho phát triển nhanh, bền vững; (6) Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, tinh nhuệ, chính quy, hiện đại, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; triển khai đồng bộ, hiệu quả, sáng tạo công tác đối ngoại. 06 nhiệm vụ trọng tâm này đã được lồng ghép trong 05 nhóm vấn đề nêu trên.

Ba đột phá chiến lược xác định trong Nghị quyết Đại hội XIV tập trung vào những nội dung then chốt sau đây:

(1) Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thúc đẩy đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ, kiến tạo phát triển; kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp mới; phát triển lực lượng sản xuất mới, các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới.

(2) Tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ.

(3) Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; nhất là kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng công nghệ phục vụ cho quá trình quản lý, quản trị và kiến tạo phát triển, hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Kính thưa toàn thể các đồng chí,

Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng, trong đó có nội dung ***“Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030) và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2026 - 2030”*** được đánh giá cao về tính Khoa học - Thực tiễn - Khát vọng - Cầu thị - Hành động. Với tinh thần như đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo ***“Lựa chọn đúng - triển khai nhanh - làm đến nơi đến chốn - đo lường bằng kết quả”***, chúng ta quyết tâm nỗ lực cao nhất; chung sức, đồng lòng để thực hiện thành công 2 mục tiêu chiến lược 100 năm mà trọng trách lịch sử Đại hội XIV đã xác lập.

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí!